TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN S **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 61 /2024/QĐST-HNGĐ	*S, ngày 11 tháng 4 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 22/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị Huyền N;** sinh năm:1993;Trú tại: 145/15/2 đường L, tổ 10 phường M, quận S, TP Đà Nẵng.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn H**; sinh năm: 1989; HKTT: tổ 10 M, quận S, Đà Nẵng. Chỗ ở hiện nay: 62/5 đường T, phường A, quận S, TP Đà Nẵng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 4 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 4 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà **Huỳnh Thị Huyền N** và ông **Nguyễn Văn H** *(Do công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Huỳnh Thị Huyền N và ông Nguyễn Văn H nên Giấy chứng nhận kết hôn số 21 do Ủy ban nhân dân phường M, quận S, Đà Nẵng cấp ngày 25/02/2019 không còn giá trị pháp lý).*

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Huyền N và ông Nguyễn Văn H thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Bà N và ông H xác định có 02 con chung: Nguyễn Huỳnh Huyền M, sinh ngày 24/7/2018 và Nguyễn Huỳnh Huyền N, sinh ngày 22/6/2020. Ly hôn ông bà thỏa thuận giao 02 con chung cho bà Huỳnh Thị Huyền N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Văn H cấp dưỡng nuôi

2 con mỗi tháng 4.000.000 đồng vào ngày 20 hàng tháng bắt đầu từ tháng 4/2024 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật, không ai được ngăn cản. Khi cần thiết vì quyền, lợi ích con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 bộ luật dân sự năm 2015.

- Về quan hệ tài sản chung: Bà N và ông H xác định không có.

- Về nợ chung: Bà N và ông H xác định không có.

- Về án phí : Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) bà N và ông H mỗi người chịu 75.000 đồng nhưng bà N tự nguyện chịu 150.000 đồng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, Đà Nẵng biên lai thu số 0001847 ngày 28/02/2024**.**

Án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ 150.000 đồng ông Nguyễn Văn H phải chịu nhưng bà N tự nguyện chịu được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà đã nộp theo biên lai thu số 0001847 ngày 28/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- UBND phường M, quận S, ĐN
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hạnh